

**PHO HIEN BO TAT SO THUYET KINH**

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 9/2010.

=====

# Taisho Tripitaka Vol. 10, No. 298 大方廣普賢所說經

# Taisho Tripitaka Vol. 10, No. 298 Đại Phương quảng Phổ Hiền sở thuyết Kinh.

No. 298

大方廣普賢所說經一卷

Đại Phương quảng Phổ-hiền sở thuyết Kinh nhất quyển.

Kinh Rộng khắp muôn phương được Phổ Hiền nói một quyển.

唐于闐三藏實叉難陀譯

Đường Vu Điền Tam Tạng Thực-xoa Nan-đà dịch.

如是我聞。一時佛在如來神力所持之處。

Như thị ngã văn. Nhất thời Phật tại Như Lai Thần-lực sở trì chi xứ.

Tôi nghe như thế. Một thời Phật tại nơi được Thần lực của Như Lai trì giữ.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ-Tát Ma-ha-tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể kể trăm nghìn triệu Na Do Tha các Đất Phật cùng tham dự.

前後圍繞而為說法。皆已成就普賢之行。

Tiền hậu vi nhiễu nhi vi thuyết Pháp. Giai dĩ thành tựu Phổ Hiền chi Hạnh.

Bao quanh trước sau mà vì nói Pháp. Đều đã thành công Hạnh của Phổ Hiền.

普賢菩薩摩訶薩而為上首。時眾會中有十菩薩摩訶薩。

Phổ Hiền Bồ-Tát Ma-ha-tát nhi vi thượng thủ. Thời Chúng hội trung hữu thập Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Phổ Hiền Bồ-Tát Ma-ha-tát là người đứng đầu. Lúc đó trong chúng hội có 10 Bồ-Tát Ma-ha-tát.

各與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩眷屬。

Các dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-tát quyến thuộc.

Họ cùng với các Bồ Tát quyến thuộc nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha các Đất Phật.

從十方處忽然出現。皆坐無礙莊嚴師子之座。

Tông thập phương xử hốt nhiên xuất hiện. Giai tọa vô ngại trang nghiêm Su tử chi tòa.  
Sống ở từ 10 phương bỗng nhiên xuất hiện. Đều ngồi trên tòa Su tử trang nghiêm không có trở ngại.

其名曰：普光藏菩薩，甚深藏菩薩。

Kỳ danh viết : Phổ-quang -tạng Bồ-tát, Thâm-thâm-tạng Bồ-tát.

Tên họ là : Phổ-quang -tạng Bồ-tát, Thâm-thâm-tạng Bồ-tát.

威德光明藏菩薩，雲音藏菩薩，金剛藏菩薩。

Uy-đức quang-minh-tạng Bồ-tát, Vân-âm-tạng Bồ-tát, Kim-cương-tạng Bồ-tát.

Uy-đức quang-minh-tạng Bồ-tát, Vân-âm-tạng Bồ-tát, Kim-cương-tạng Bồ-tát.

普音不動威光藏菩薩，普名稱威光藏菩薩。

Phổ-âm bất-động uy-quang-tạng Bồ-tát, Phổ-danh xưng uy-quang-tạng Bồ-tát.

Phổ-âm bất-động uy-quang-tạng Bồ-tát, Phổ-danh xưng uy-quang-tạng Bồ-tát.

山王不動威光藏菩薩，普現眾像威光藏菩薩。

Sơn-vương bất-động uy-quang-tạng Bồ-tát, Phổ-hiện chúng-tượng uy-quang-tạng Bồ-tát.

Sơn-vương bất-động uy-quang-tạng Bồ-tát, Phổ-hiện chúng-tượng uy-quang-tạng Bồ-tát.

十力清淨威光藏菩薩。彼諸菩薩出現之時。

Thập-lực thanh-tịnh uy-quang-tạng Bồ-tát. Bỉ chư Bồ-tát xuất hiện chi thời.

Thập-lực thanh-tịnh uy-quang-tạng Bồ-tát. Khi các Bồ Tát đó xuất hiện.

於此會中唯除普賢。其餘一切菩薩大眾。

Ư thử hội trung duy trừ Phổ-hiền. Kỳ dư nhất thiết Bồ-tát Đại Chúng.

Chỉ trừ Phổ Hiền ở trong hội này. Tất cả Bồ-tát Đại Chúng khác đó.

靡不傾動所有威光亦盡不現。一一菩薩。

Mị bất khuynh động sở hữu uy quang diệc tận bất hiện. Nhất nhất Bồ-tát.

Đều không nghiêng động có được uy quang cũng không hiện ra hết. Mỗi một Bồ Tát.

皆雨十不可說不可說百千億那由他香雲塗香雲。

Giai vú thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha hương vân đồ hương vân.

Đều rắc 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha mây hương mây hương bôi.

鬘雲衣雲寶蓋幢幡雲，清淨世界雲，眾寶樓閣雲。

Man vân y vân bảo cái tràng phan vân, Thanh tịnh Thế-giới vân, chúng bảo lâu các vân.

Mây Man mây áo, mây cờ phan lọng báu. Mây của Thế giới Thanh tịnh, mây của các loại lầu gác báu.

菩薩眾會道場雲。大光明網普照雲。菩提道場莊嚴雲。如來形像袈裟雲。

Bồ-tát chúng hội Đạo-tràng vân. Đại Quang-minh võng phổ chiếu vân, Bồ-đề Đạo-tràng trang nghiêm vân. Như Lai hình tượng Ca sa vân.

Mây Đạo tràng của chúng hội Bồ Tát. Lưới Quang minh lớn chiếu soi hết mây. Mây trang nghiêm Bồ Đề Đạo tràng. Mây áo Già sa hình tượng Như Lai.

各興如是不可思議諸供養雲。充滿法界供養如來。

Các hưng như thị bất khả tư nghị chư cúng dưỡng vân. Sung mãn Pháp giới cúng dưỡng Như Lai.

Tùng loại nổi lên các mây như thể cúng dưỡng không thể suy bàn. Đây khắp Pháp giới cúng dưỡng Như Lai.

斯諸菩薩所坐之座。眾寶莊嚴微妙清淨。於彼一一莊嚴事中。

Tư chư Bồ-tát sở tọa chi tòa. Chúng bảo trang nghiêm vi diệu Thanh tịnh. Ư bỉ nhất nhất trang nghiêm sự trung.

Tòa đượ các Bồ tát đó ngồi. Các báu vật trang nghiêm thanh tịnh vi diệu. Trong mỗi việc trang nghiêm.

普現一切無量世界無量眾生無量諸佛無量菩薩。

Phổ hiện nhất thiết vô lượng Thế-giới vô lượng chúng sinh vô lượng chư Phật vô lượng Bồ-tát.

Hiện ra khắp tất cả vô lượng Thế giới, vô lượng chúng sinh, vô lượng các Phật, vô lượng Bồ-tát.

又現不可說不可說過去未來無量世界。及彼諸佛現坐道場。

Hựu hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Quá-khứ Vị-lai vô lượng Thế-giới. Cập bỉ chư Phật hiện tọa Đạo-tràng.

Mới lại hiện ra không thể nói không thể đọc vô lượng Thế giới thời Quá khứ Tương lai. Cùng với các Phật đó hiện ngồi ở Đạo tràng.

為化眾生轉妙法輪。諸菩薩眾供養如來。

Vị hóa chúng sinh chuyển diệu Pháp-luân. Chư Bồ-tát chúng cúng dưỡng Như Lai.

Vì giáo hóa chúng sinh nói Pháp vi diệu. Các Bồ Tát chúng cúng dưỡng Như Lai.

淨修一切波羅蜜行，常無斷絕。爾時眾會咸作是念。

Tịnh tu nhất thiết Ba-la-mật hạnh, thường vô đoạn tuyệt. Nhĩ thời chúng hội hàm tác thị niệm.

Thanh tịnh tu tất cả các Hạnh Ba La Mật, thường không dứt tuyệt. Khi đó chúng hội đều làm suy nghĩ .

此諸菩薩從何世界諸佛所來？

Thử chư Bồ-tát, tòng hà Thế-giới chư Phật sở lai？

Các Bồ Tát này tới từ Thế giới nào của các Phật？

即共請問普賢菩薩。時普賢菩薩普告一切菩薩眾言：

Tức cộng thỉnh vấn Phổ-hiền Bồ-tát. Thời Phổ-hiền Bồ-tát phổ cáo nhất thiết Bồ-tát chúng ngôn：

Tức thời cùng thăm hỏi Phổ Hiền Bồ Tát. Lúc đó Phổ Hiền Bồ Tát bảo khắp tất cả Bồ Tát chúng nói rằng：

諸佛子！汝等各自推其來處。時無礙眼菩薩。

Chư Phật tử！Nhữ đẳng các tự thôi kỳ lai xứ. Thời Vô-ngại-nhãn Bồ-tát.

Các Phật Tử！Các Ngài từng người tự suy tìm nơi ở của họ tới. Lúc đó Vô-ngại-nhãn Bồ-tát.

則入普迅疾三昧，遍至三昧，明照法界三昧。

Tắc nhập Phổ-tấn-tật Tam-muội, Biền-chí Tam-muội, Minh-chiếu Pháp-giới Tam-muội.

Chắc là nhập vào Phổ-tấn-tật Tam-muội, Biền-chí Tam-muội, Minh-chiếu Pháp-giới Tam-muội.

具一切神通三昧，了一切境界三昧。

Cụ-nhất-thiết Thần-thông Tam-muội, Liễu-nhất-thiết cảnh-giới Tam-muội.

Cụ-nhất-thiết Thần-thông Tam-muội, Liễu-nhất-thiết cảnh-giới Tam-muội.

現一切眾生身神通三昧，知一切佛剎三昧。

Hiện-nhất-thiết chúng-sinh-thân Thần-thông Tam-muội, Tri-nhất-thiết Phật-sát Tam-muội.

Hiện-nhất-thiết chúng-sinh-thân Thần-thông Tam-muội, Tri-nhất-thiết Phật-sát Tam-muội.

入如是等十阿僧祇百千億那由他菩薩三昧。

Nhập như thị đẳng thập A-tăng-kì bách thiên ức Na-do-tha Bồ-tát Tam-muội.

Nhập vào như thế 10 A Tăng Kỳ trăm nghìn triệu Na Do Tha Bồ-tát Tam-muội.

以三昧力自見其身。悉詣十方一切世界。

Dĩ Tam-muội lực tự kiến kỳ thân. Tất nghê thập phương nhất thiết Thế-giới.

Dùng Lực Tam Muội tự nhìn thấy thân họ. Tất cả vãng tới 10 phương tất cả Thế giới.

乃至一切微塵處中。而不能見彼諸菩薩所從來土。

Nãi chí nhất thiết vi trần xứ trung. Nhi bất năng kiến bỉ chư Bồ-tát sở tông lai thổ.

Thậm chí trong tất cả nơi ở của bụi trần. Mà không có thể nhìn thấy Đất được tới của các Bồ Tát đó.

及於如來修梵行處。其餘一切菩薩大眾。

Cập ư Như Lai tu Phạm hạnh xứ. Kỳ dư nhất thiết Bồ-tát Đại Chúng.

Cùng với Như Lai ở nơi tu Phạm hạnh. Tất cả Bồ-tát Đại Chúng khác đó.

各各別入菩薩三昧。皆不能見亦復如是。

Các các biệt nhập Bồ-tát Tam-muội. Giai bất năng kiến diệc phục như thị.

Tùng loại khác biệt nhập vào Bồ-tát Tam-muội. Đều không thể nhìn thấy cũng lại như thế.

咸從定起白普賢菩薩言：

Hàm tông Định khởi bạch Phổ Hiền Bồ-tát ngôn：

Hầu hết thức dậy từ Định bạch Phổ Hiền Bồ Tát nói rằng：

我等各入十阿僧祇百千億那由他菩薩三昧。

Ngã đẳng các nhập thập A-tăng-kì bách thiên ức Na-do-tha Bồ-tát Tam-muội.

Chúng tôi từng người nhập vào 10 A Tăng Kỳ trăm nghìn triệu Na Do Tha Bồ-tát Tam-muội.

了不能見彼諸菩薩所從來處。普賢菩薩復告之言：

Liễu bất năng kiến bỉ chư Bồ-tát sở tông lai xứ. Phổ-hiền Bồ-tát phục cáo chi ngôn：

Rõ ràng không thể nhìn thấy nơi được tới của các Bồ Tát đó. Phổ Hiền Bồ Tát lại bảo rằng：

彼所從來諸佛國土。甚深廣大極難可見。汝等今可更共推求。

Bỉ sở tông lai chư Phật quốc thổ. Thậm thâm quảng đại cực nan khả kiến. Nhữ đẳng kim khả cánh cộng thôi cầu.

Họ được tới từ đó Đất nước của các Phật. Rất thâm sâu rộng lớn cực khó có thể nhìn thấy. Các Ngài nay có thể cùng nhau tìm kiếm.

時諸菩薩一一復入十佛剎微塵等菩薩三昧。

Thời chư Bồ-tát nhất nhất phục nhập thập Phật sát vi trần đẳng Bồ-tát Tam-muội.

Lúc đó các Bồ Tát từng người lại nhập vào các Bồ-tát Tam-muội nhiều như bụi trần của 10 phương Đất Phật.

求亦不見。各以其事重白普賢。

Cầu diệc bất kiến. Các dĩ kỳ sự trùng bạch Phổ-hiền.

Tìm cũng không thấy. Họ đem việc đó bạch lại Phổ Hiền.

爾時普賢菩薩從座而起。上昇虛空右繞世尊。

Nhĩ thời Phổ-hiền Bồ-tát tòng tòa nhi khởi. Thượng thăng hư không hữu nhiểu Thế Tôn.

Khi đó Phổ Hiền Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy. Bay lên trên khoảng không vòng phải quanh Thế Tôn.

無數匝已，即於空中普觀眾會。作如是言：

Vô số tạp dĩ, tức ư không trung phổ quan chúng hội. Tác như thị ngôn：

Xong vô số vòng, tức thời ở trong không trung quan sát khắp chúng hội. Làm lời nói rằng：

諸佛子！汝觀佛身無礙莊嚴，三世平等。

Chư Phật tử！Nhữ quan Phật thân vô ngại trang nghiêm, Tam-thế bình đẳng.

Các Phật Tử！Ngài quan sát thân Phật trang nghiêm không có trở ngại, 3 Đời ngang bằng nhau.

法界諸剎無不普入。十方所有一切世界。一切如來。

Pháp-giới chư sát vô bất phổ nhập. Thập phương sở hữu nhất thiết Thế-giới, nhất thiết Như Lai.

Pháp giới các Đất đều thâm nhập khắp cả. 10 Phương có được tất cả Thế giới, tất cả Như Lai.

一切菩薩，一切眾生，一切諸趣。靡不影現如來身中。

Nhất thiết Bồ-tát, nhất thiết chúng sinh, nhất thiết chư thú. Mị bất ảnh hiện Như Lai thân trung.

Tất cả Bồ Tát, tất cả chúng sinh, tất cả các thú hướng. Mọi hình ảnh đều hiện ở trong thân của Như Lai.

隨諸眾生心之所樂悉令開悟。

Tùy chư chúng sinh tâm chi sở lạc, tất linh khai ngộ。

Tùy theo chúng sinh tâm được vui thích giúp được khai sáng tất cả.

汝等應住普境界眼。盡虛空界清淨慧眼。

Nhữ đẳng ưng trụ phổ cảnh giới nhãn. Tận hư không giới Thanh tịnh Tuệ-nhãn.

Các Ngài cần ở trong khắp cả cảnh giới Trí tuệ. Tận cùng Thế giới Rỗng không Trí tuệ Thanh tịnh.

了一切境廣大智眼。又應普請十方一切諸佛護念。

Liễu nhất thiết cảnh quảng đại Trí-nhãn. Hựu ưng phổ thỉnh thập phương nhất thiết chư Phật hộ niệm.

Hiểu tất cả cảnh Trí tuệ rộng lớn. Lại cần thỉnh cầu khắp cả 10 phương tất cả các Phật hộ niệm.

皆應一心離一切處，一切依止，一切執著，一切諸有。

Giai ưng nhất tâm ly nhất thiết xứ, nhất thiết y chỉ, nhất thiết chấp trước, nhất thiết chư hữu.

Đều cần nhất tâm rời xa tất cả xứ sở, tất cả dừng lại dựa vào, tất cả không cầm giữ nương nhờ, tất cả các Có.

觀如來身應入十力微細境界。於一境界了達一切無盡境界。

Quan Như Lai thân ung nhập Thập-lực vi tế cảnh giới. Ư nhất cảnh giới liễu đạt nhất thiết vô tận cảnh giới.

Quan sát thân của Như Lai cần nhập vào cảnh giới tinh vi của 10 Lực. Với một cảnh giới hiểu thông suốt tất cả vô tận cảnh giới.

觀如來身時諸菩薩，敬順其教。咸向如來頭面作禮。

Quan Như Lai thân thời chư Bồ-tát kính thuận kỳ giáo. Hàm hướng Như Lai đầu diện tác lễ.

Khi quan sát thân của Như Lai các Bồ Tát kính thuận giáo lý đó. Đều hướng về Như Lai phục đất đảnh lễ.

一心瞻仰忽見世尊毘盧遮那。

Nhất tâm chiêm ngưỡng hốt kiến Thế Tôn Tì Lư Giá Na.

Nhất tâm chiêm ngưỡng bỗng nhiên nhìn thấy Thế Tôn Tì Lư Giá Na.

雙足輪中有世界名法界輪。其土有佛名法界莊嚴王住世說法。

Song túc luân trung hữu Thế-giới danh Pháp-giới-luân. Kỳ thổ hữu Phật danh Pháp Giới Trang Nghiêm Vương trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa vòng đôi chân có Thế giới tên là Pháp Giới Luân. Đất đó có Phật tên hiệu Pháp Giới Trang Nghiêm Vương ở Đồi nói Pháp.

彼普光藏菩薩摩訶薩

Bỉ Phổ-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Phổ-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bỉ Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於雙(跳-兆+專)中有世界名無礙藏。其土有佛名無礙淨光住世說法。

Ư song chuyên trung hữu Thế-giới danh Vô-ngại-tạng. Kỳ thổ hữu Phật danh Vô Ngại Tịnh Quang trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa đôi ống chân có Thế giới tên là Vô Ngại Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Vô Ngại Tịnh Quang ở Đồi nói Pháp.

彼甚深藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Thâm-thâm-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Thâm-thâm-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bi Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於雙膝中有世界名真金藏。其土有佛名金藏王住世說法。

Ư Song tất trung hữu Thế-giới danh Chân-kim-tạng . Kỳ thổ hữu Phật danh Kim Tạng Vương trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa hai đầu gối có Thế giới tên là Chân Kim Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Tạng Vương ở Đồi nói Pháp.

彼威德光明藏菩薩摩訶薩。

Bi Uy-đức quang-minh-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Uy-đức quang-minh-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bi Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於雙股中有世界名一切寶莊嚴藏。其土有佛名眾妙光住世說法。

Ư song cổ trung hữu Thế-giới danh Nhất-thiết-bảo trang-nghiêm-tạng. Kỳ thổ hữu Phật danh Chúng Diệu Quang trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa hai đùi có Thế giới tên là Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Chúng Diệu Quang ở Đồi nói Pháp.

彼雲音藏菩薩摩訶薩。

Bi Vân-âm-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Vân-âm-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bi Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於其臍中有世界名毘盧遮那藏。其土有佛名毘盧遮那威德莊嚴王住世說法。

Ư kỳ tề trung hữu Thế-giới danh Tì-lư-giá-na-tạng. Kỳ thổ hữu Phật danh Tì Lư Giá Na Uy Đức Trang Nghiêm Vương trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa rốn của Phật có Thế giới tên là Tì Lư Giá Na Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Tì Lư Giá Na Uy Đức Trang Nghiêm Vương ở Đồi Pháp.

彼金剛藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Kim-cương-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Kim-cương-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bỉ Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於其心中有世界名勝光藏。其土有佛名妙相莊嚴藏住世說法。

Ư kỳ tâm trung hữu Thế-giới danh Thắng-quang-tạng. Kỳ thổ hữu Phật danh Diệu Tướng Trang Nghiêm Tạng trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa tâm của Phật có Thế giới tên là Thắng Quang Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Diệu Tướng Trang Nghiêm Tạng ở Đồi nói Pháp.

彼普音不動威光藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Phổ-âm bất-động uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Phổ-âm bất-động uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bỉ Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於兩肩中有世界名金色。其土有佛名金色王住世說法。

Ư lưỡng kiên trung hữu Thế-giới danh Kim-sắc. Kỳ thổ hữu Phật danh Kim Sắc Vương trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa hai vai có Thế giới tên là Kim Sắc. Đất đó có Phật tên hiệu Kim Sắc Vương ở Đồi nói Pháp.



彼普名稱威光藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Phổ-danh-xung uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

**Phổ-danh-xung uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó**

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bỉ Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於其口中有世界名妙寶莊嚴。其土有佛名無量光嚴王住世說法。

Ư kỳ khẩu trung hữu Thế-giới danh Diệu-bảo-trang-nghiêm. Kỳ thổ hữu Phật danh Vô Lượng Quang Nghiêm Vương trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa miệng của Phật có Thế giới tên là Diệu Bảo Trang Nghiêm. Đất đó có Phật tên hiệu Vô Lượng Quang Nghiêm Vương ở Đồi nói Pháp.

彼山王不動威光藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Sơn-vương bất-động uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

**Sơn-vương bất-động uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.**

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bất khả thuyết bất khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bỉ Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於其眉間有世界名法界無盡藏。其土有佛名三世無盡智住世說法。

Ư kỳ mi gian hữu Thế-giới danh Pháp-giới vô-tận-tạng . Kỳ thổ hữu Phật danh Tam Thế Vô Tận Trí trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa mi của Phật có Thế giới tên là Pháp Giới Vô Tận Tạng. Đất đó có Phật tên hiệu Tam Thế Vô Tận Trí ở Đồi nói Pháp.

彼普現眾像威光藏菩薩摩訶薩。

Bỉ Phổ-hiện chúng-tượng uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

**Phổ-hiện chúng-tượng uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.**

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bát khả thuyết bát khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bi Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

於其頭中有世界名覆持不散。其土有佛名寶花積住世說法。

Ư kỳ đầu trung hữu Thế-giới danh Phúc -trì bát-tán. Kỳ thổ hữu Phật danh Bảo Hoa Tích trụ thế thuyết Pháp.

Ở giữa đầu của Phật có Thế giới tên là Phúc Trì Bát Tán. Đất đó có Phật tên hiệu Bảo Hoa Tích ở Đồi nói Pháp.

彼十力清淨威光藏菩薩摩訶薩。

Bi Thập-lực Thanh-tịnh uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Thập-lực Thanh-tịnh uy-quang-tạng Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

與十不可說不可說百千億那由他佛剎微塵等菩薩摩訶薩俱。

Dữ thập bát khả thuyết bát khả thuyết bách thiên ức Na-do-tha Phật sát vi trần đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát câu.

Cùng với các Bồ Tát nhiều như bụi trần của 10 không thể nói không thể đọc trăm nghìn triệu Na Do Tha Đất Phật cùng tham dự.

從彼佛剎來此會坐。

Tòng bi Phật sát lai thử hội tọa.

Từ Đất Phật đó tới ngồi ở trong hội này.

時諸菩薩既見如是無盡世界如來道場菩薩眾會佛神變已。

Thời chư Bồ-tát ký kiến như thị vô tận Thế-giới Như Lai Đạo-tràng Bồ-tát chúng hội Phật Thần-biến dĩ.

Khi các Bồ Tát đã nhìn thấy Thần biến của Phật vô tận Thế-giới Như Lai Đạo-tràng Bồ-tát chúng hội như thế.

一一皆得法界藏三昧。

Nhất nhất giai đắc Pháp-giới-tạng Tam-muội.

Tùng người đều được Pháp-giới-tạng Tam Muội.

等十佛剎微塵數諸大三昧一切法地陀羅尼。

Đẳng thập Phật sát vi trần số chư Đại Tam-muội nhất thiết Pháp địa Đà-la-ni.

Cùng với các Đại Tam Muội, tất cả Pháp địa Đà La Ni nhiều như bụi trần của 10 Đất Phật.

等十佛剎微塵數諸陀羅尼離垢藏般若波羅蜜。

Đẳng thập Phật sát vi trần số chư Đà-la-ni Ly-câu-tạng Bát-nhã Ba-la-mật.

Cùng với các Đà La Ni Ly-câu-tạng Bát Nhã Ba La Mật nhiều như bụi trần của 10 Đất Phật.

等十佛剎微塵數諸波羅蜜力電光。

Đẳng thập Phật sát vi trần số chư Ba-la-mật lực điện quang.

Cùng với các Lực điện quang Ba La Mật nhiều như bụi trần của 10 Đất Phật.

等十佛剎微塵數一切智電光。

Đẳng thập Phật sát vi trần số nhất thiết Trí điện quang.

Cùng với điện quang tất cả Trí tuệ nhiều như bụi trần của 10 Đất Phật.

時普賢菩薩復告大眾：諸佛子！

Thời Phổ-hiền Bồ-tát phục cáo Đại Chúng : Chư Phật tử !

Lúc đó Phổ Hiền Bồ Tát lại bảo Đại Chúng : Các Phật Tử !

此法唯是行普賢行，為善知識。所攝受者乃得聞見。

Thử Pháp duy thị hành Phổ Hiền hạnh, vi thiện Tri-thức. Sở nhiếp thụ giả nãi đắc văn kiến.

Pháp này duy chỉ tu hành Hạnh của Phổ Hiền, là Tri thức thiện. Người thu giữ được, mới được nghe nhìn thấy.

是故汝等於此法門。作金剛心增上意樂。

Thị cố Nhữ đẳng ư thử Pháp môn. Tác Kim-cương tâm tăng thượng ý lạc.

Vì thế các Ngài với môn Pháp này. Làm thành tâm Kim Cương tăng cao ý vui sướng.

說持讀誦勿令忘失。說此法時彼諸菩薩摩訶薩等。

Thuyết trì độc tụng, vật linh vong thất. Thuyết thử Pháp thời, bi chư Bồ-Tát Ma-ha-tát đẳng.

Nói giữ đọc tụng đừng làm quên mất. Khi nói Pháp này các Bồ-Tát Ma-ha-tát đó.

歡喜信受。

Hoan hỉ tín thụ.

Vui mừng tin nhận.

### 大方廣普賢所說經

Đại Phương quảng Phổ-hiền sở thuyết Kinh.

Kinh Rộng khắp muôn phương được Phổ Hiền nói.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 9/2010.

=====